TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2021/DS-ST
Ngày: 22/4/2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng giao khoán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
1/. Ông Ngô Văn Tuyển.
2/. Ông Trần Phúc Nam.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bình.
Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 592/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2020. Về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị X. Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Thôn 19/5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Bà X vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn**: Công ty cổ phần cà phê H.
Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.1 **Người đại diện theo pháp luật của bị đơn**: Ông Đỗ Hoàng P.
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2.2 **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn**: Ông Phạm Đình B.
Chức vụ: Kiểm soát viên Công ty cổ phần cà phê H.
Địa chỉ: Số 65 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền số 409/GUQ, ngày 06 tháng 8 năm 2020).
(Ông B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 27/8/2011 tôi có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay

là (Công ty cổ phần cà phê H) theo hợp đồng số 1268/2011/HĐ-GK. Theo đó, tôi nhận khoán của Công ty cổ phần cà phê H thửa đất có diện tích 9.250m2, trên đất có trồng khoảng 1.056 cây cà phế vối, trồng năm 1994 ngoài ra Công ty còn giao thêm cho tôi diện tích bờ lô là 1.343m2, tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, địa điểm đất nhận giao khoán thuộc đội NT3 quản lý, thuộc thôn 19/5, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên thống nhất xác định nguyên giá vườn cây là 49.823.946 đồng, giá trị vườn cây tại thời điểm ký hợp đồng còn lại là 31.236.943 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng là ngày 27/8/2011 đến ngày 27/8/2021.

Về mức giao khoán: Định kỳ vào mùa thu hoạch tôi phải có trách nhiệm giao nộp sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty cổ phần cà phê H hàng năm cụ thể như sau:

Niên vụ thu hoạch năm 2011 – 2015 giao nộp 2.946 kg

Niên vụ thu hoạch năm 2015 – 2018 giao nộp 2.630 kg

Niên vụ thu hoạch năm 2018 – 2021 giao nộp 2.315 kg

Chất lượng cà phê quả tươi mà tôi giao nộp cho Công ty theo từng niên vụ hàng năm phải đạt tiêu chuẩn đó là: Tỷ lệ quả chín ≥ 85%; Tỷ lệ quả vàng ≤ 12%; Tỷ lệ quả xanh ≤ 3%; Tạp chất trong sản phẩm ≤ 0,5%. Sản lượng giao nộp phải khô ráo, nếu gặp mưa Công ty sẽ tính tỷ lệ để khấu trừ.

Tôi ký hợp đồng nhận khoán với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, sau khi ký hợp đồng mọi việc diễn ra bình thường, tôi không có ý kiến gì đối với Công ty về các nội dung trong hợp đồng. Kể từ niên vụ 2017 - 2018 tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cà phê cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi hàng năm cho Công ty theo hợp đồng, niên vụ 2018 - 2019 đến nay tôi và các hộ dân nhận khoán phát hiện Công ty đã có sự gian lận trong quy trình tính toán về chi phí nhân công, số lượng cà phê quả tươi quy nhân và thuỷ lợi phí không đúng theo tỉ lệ 49% - 51% như hợp đồng giao khoán để đem hết lợi nhuận cho Công ty nên tôi chưa nộp sản lượng cà phê cho Công ty, đồng thời tôi làm đơn khởi kiện Công ty để yêu cầu Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc:

1. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công trong 07 năm (2011- 2017) là: 86.954.753,2 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong 07 năm (2011- 2017) là: 24.304.000 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí 08 năm (2011- 2018) là 7.344.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả cho tôi số tiền là 118.602.753,2 đồng (Một trăm mười tám triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 12.422.107,6 đồng/1ha); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 3.038kg cà phê quả

tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 434kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 3.472.000 đồng/1năm); Công ty đã gian lận khoản tiền chi phí đào giếng tưới nước của phần 51% cho diện tích 01ha trong thời gian 08 năm (2011-2018) với số tiền là 7.344.000 đồng (Bình quân một năm là 918.000 đồng/1ha) mà lẽ ra mỗi một năm Công ty phải thanh toán lại cho tôi khoản tiền chi phí đào giếng tưới nước của phần 51% là 918.000 đồng/1ha.

Tôi làm đơn khởi kiện Công ty dựa trên mức tính bình quân của 01 héc ta được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt vào năm 2011. Tuy nhiên, thửa đất tôi nhận khoán với Công ty chỉ có diện tích 9.250m2, mặt khác do có sự nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện tôi yêu cầu Công ty trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí đã gian lận trong thời gian 08 năm (2011- 2018) là 7.344.000 đồng, tại bản tự khai ngày 27/8/2020 tôi lại yêu cầu Công ty trả lại số tiền thủy lợi phí đã gian lận trong thời gian 12 năm (1998 - 2010) là 3.060.000 đồng.

Nhưng thực tế trong quá trình nhận khoán tôi có sử dụng nước tưới kênh mương, hồ đập của Công ty trong thời gian 06 năm, gồm các năm 2011, 2013,2014,2015,2016 và năm 2017. Công ty thu sai tiền thuỷ lợi phí của tôi mỗi năm 235.875 đồng, tổng cộng là 1.415.250 đồng. Tôi đã được công ty hoàn trả lại cho tôi toàn bộ số tiền thuỷ lợi phí nêu trên. Vì vậy, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi về khoản tiền thuỷ lợi phí với số tiền 7.344.000 đồng, đồng thời tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi về khoản tiền chi phí nhân công với số tiền 86.954.753,2 đồng. Tổng cộng là 94.298.753,2 đồng. Tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Về khoản tiền số lượng cà phê quả tươi quy nhân: Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết để buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho tôi số cà phê quả tươi quy nhân đã gian lận trong thời gian 07 năm (2011-2017) quy thành tiền là: 24.304.000 đồng. (24.304.000 đồng : 10.000m2 = 2.430,4 đồng/1m2) x 9.250m2 = 22.481.200 đồng. Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi về khoản tiền cà phê quả tươi quy nhân là 1.822.800 đồng.

Đối với khoản tiền số lượng cà phê quả tươi quy nhân nêu trên thì ngoài "Biên bản quá trình thực hiện làm thành cà phê quy nhân" đề ngày 09/11/2019 mà tôi đã giao nộp cho Tòa án thì tôi không có chứng cứ nào khác, biên bản nêu trên là do một số người dân tự tính toán kê khai và cùng ký xác nhận, nhưng không được cơ quan có thẩm quyền nào ký xác nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B trình bày:

Công ty cổ phần cà phê H (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H) thừa nhận việc Công ty với bà Nguyễn Thị X có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên theo hợp đồng số 1268/2011/HĐ-GK, ngày 27/8/2011. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, bà X đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 cho đến nay bà X đã không thực hiện nghĩa vụ

giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Việc bà Nguyễn Thị X yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền cà phê quả tươi quy nhân trong thời gian 07 năm (2011-2017) là: 24.304.000 đồng thì Công ty cổ phần cà phê H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, vì: Việc giao nộp sản lượng cà phê quả tươi hàng năm đã ghi rõ tại điểm 3 , Điều 1 của hợp đồng. Ngoài ra định mức quy nhân 4,55 kg tiêu chuẩn = 1 kg nhân xô đủ tiêu chuẩn xuất khẩu) đã được Công ty áp dụng từ năm 1998 đến nay. Có biên bản làm thành chi tiết từ năm 2011 đến năm 2017.

Về biên bản quá trình thực hiện làm thành cà phê quy nhân ngày 09/11/2019 của bà X tự tổ chức gửi Toà án không đủ cơ sở chứng minh tỷ lệ quy nhân (4,1 kg cà phê quả tươi = 1 kg cà phê nhân xô). Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của bà X.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền cà phê quả tươi quy nhân trong thời gian 07 năm (2011-2017) là: 22.481.200 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 96.121.553,2 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Bà Nguyễn Thị X được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đề ngày 17/7/2020 Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần cà phê H có trụ sở và địa chỉ tại xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Phạm Đình B.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được các bên thừa nhận, Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 27/8/2011 bà Nguyễn Thị X và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, theo hợp đồng số 1268/2011/HĐ-GK. Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi ký kết hợp đồng giao khoán cho đến hết niên vụ 2017-2018 bà X đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cà phê cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng, không có tranh chấp và đã được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà X khoản tiền cà phê quả tươi quy nhân trong thời gian 07 năm (2011-2017) là: 22.481.200 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Việc giao nộp sản lượng cà phê quả tươi hàng năm giữa bà X và Công ty đã ghi rõ tại điểm 3, Điều 1 của hợp đồng, Công ty đưa ra định mức quy nhân 4,55 kg cà phê quả tươi tiêu chuẩn = 1 kg cà phê nhân xô đủ tiêu chuẩn xuất khẩu) đã được Công ty áp dụng từ năm 1998 đến nay. Mặt khác, tại thời điểm ký kết và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà X không có ý kiến gì với Công ty về số lượng cà phê quả tươi quy nhân. Biên bản quá trình thực hiện làm thành cà phê quy nhân ngày 09/11/2019 của bà X cung cấp cho Toà án không đủ cơ sở pháp lý để chứng minh tỷ lệ quy nhân 4,1 kg cà phê quả tươi tiêu chuẩn = 1 kg cà phê nhân xô tiêu chuẩn. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003; Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện khởi kiện đối với số tiền 96.121.553,2 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà X.

Bà Nguyễn Thị X được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với số tiền 22.481.200 đồng không được chấp nhận nên bà X phải chịu 22.481.200 đồng x 5% = 1.124.060 đồng (Làm tròn 1.124.000 đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.965.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0015768, ngày 03/8/2020.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 1.841.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số cà phê quả tươi quy nhân trong thời gian 07 năm (2011-2017) quy thành tiền là: 22.481.200 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền 96.121.553,2 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Bà Nguyễn Thị X được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí**: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.124.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.965.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0015768, ngày 03/8/2020.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 1.841.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

- **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, bị đơn Công ty cổ phần cà phê H, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Phạm Đình B (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hồng Trường